

— Đối với báo cáo 6 tháng và năm của từng đơn vị cơ sở, phải có hội nghị xét duyệt. Hội nghị xét duyệt gồm có:

Giám đốc và các phó giám đốc Cục hoặc Công ty quản lý;

Kế toán trưởng Cục, Công ty;

Các trưởng hoặc phó phòng nghiệp vụ, chuyên môn;

Giám đốc hoặc đại diện của đơn vị có quyết toán;

Kế toán trưởng đơn vị có quyết toán.

Trong hội nghị, thủ trưởng đơn vị có quyết toán sẽ trình bày nội dung bản quyết toán.

Điều 14. — Kế toán trưởng Cục, Công ty quản lý tổng hợp báo cáo của tất cả các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình, làm bản giải trình đề trình giám đốc đề tổ chức xét duyệt. Giám đốc Cục, Công ty quản lý chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị xét duyệt gồm có:

Giám đốc và các phó giám đốc Cục hoặc Công ty quản lý.

Kế toán trưởng của Cục hoặc Công ty.

Các trưởng hoặc phó phòng nghiệp vụ, chuyên môn.

Thành phần mời họp: Đại biểu Vụ kế toán và Tài vụ Bộ.

Ông Giám đốc Cục hoặc Công ty có trách nhiệm trình bày tại hội nghị.

Điều 15. — Ông Vụ trưởng Vụ Kế toán tài vụ có nhiệm vụ tổng hợp chung tất cả các báo cáo tổng hợp của các Cục, Công ty (phần kiến thiết cơ bản) và của tất cả các xí nghiệp (phần sản xuất), các đơn vị sự nghiệp, làm bản giải trình lên Bộ trưởng đề Bộ trưởng tổ chức xét duyệt.

Hội nghị xét duyệt quyết toán của Bộ gồm có:

— Bộ trưởng và các Thứ trưởng.

— Vụ trưởng Vụ kế toán tài vụ.

— Các ông Giám đốc các Cục, Vụ, Viện, Sở thuộc Bộ.

Ông Bộ trưởng chủ trì hội nghị; các ông giám đốc đóng góp ý kiến xác định thành tích khuyết điểm chung và tham gia xây dựng các biện pháp cần thực hiện về mặt kế toán và tài vụ cho kỳ kế hoạch sau, thông tri trong toàn ngành.

Điều 16. — Tất cả các hội nghị xét duyệt quyết toán ở các cấp đều phải có biên bản. Ý kiến bất đồng phải được trình bày rõ ràng. Biên bản sẽ gửi tiếp theo việc gửi quyết toán trong vòng một tuần lễ lên cấp trên trực tiếp.

IV. Thông tri duyệt y báo cáo quyết toán

Điều 17. — Khi quyết toán của Bộ đã được Nhà nước xét duyệt xong, ông Vụ trưởng Vụ Kế toán tài vụ phải làm thông tri duyệt chính thức cho các xí nghiệp, công trường, đơn vị sự nghiệp, ông Chánh văn phòng làm thông tri duyệt y chính thức cho các đơn vị hành chính.

Trường hợp Bộ Tài chính không công nhận khoản chi nào, ông Vụ trưởng Vụ Kế toán và Tài vụ có trách nhiệm nghiên cứu cùng với đơn vị có liên quan đề ra biện pháp sửa chữa hoặc đề nghị lên Nhà nước quyết định, về phần sản xuất, kiến thiết cơ bản, sự nghiệp, Ông Chánh văn phòng chịu trách nhiệm về phần chi phí hành chính.

V. Điều khoản chung

Điều 18. — Đơn vị nào, người nào không tôn trọng kỷ luật báo cáo quyết toán theo đúng quyết định này thì sẽ tùy lỗi nặng, nhẹ mà bị Bộ phê bình, cảnh cáo hoặc giáng chức. Đơn vị người nào làm tốt, có kinh nghiệm phổ biến được cho ngành sẽ được Bộ khen thưởng.

Điều 19. — Các ông Chánh văn phòng Bộ, Giám đốc các Cục, Công ty, Vụ trưởng Vụ Kế toán và tài vụ, kế toán trưởng các cấp chiếu bản chế độ này thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành.

Hà-nội, ngày 27 tháng 3 năm 1963

K.T. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng

VŨ ANH

ỦY BAN KIẾN THIẾT CƠ BẢN NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 184-UB-ĐM về việc ban hành 121 định mức năng suất lao động cho công tác lắp ráp công trình công-nghiệp và dân dụng.

CHỦ NHIỆM

ỦY BAN KIẾN THIẾT CƠ BẢN NHÀ NƯỚC

Căn cứ theo nghị định số 209-CP ngày 12 tháng 12 năm 1962 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước;

Căn cứ theo nhu cầu công tác xây dựng cơ bản;

Đề bổ sung vào bảng định mức năng suất lao động 2339 ban hành theo thông tư số 3035-UB-CQL ngày 9 tháng 11 năm 1961 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành 121 định mức năng suất lao động về công tác lắp ráp các công trình công nghiệp và dân dụng bổ sung vào bảng định mức nói trên.

Điều 2. — Những định mức này áp dụng cho việc lập kế hoạch, lập đơn giá, lập dự toán công trình và thanh quyết toán với các đơn vị thi công.

Điều 3. — Quyết định này thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1963.

Hà-nội, ngày 28 tháng 2 năm 1963

K.T. Chủ nhiệm

Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước

Phó chủ nhiệm

TRẦN ĐẠI NGHĨA

LỜI NÓI ĐẦU

Bảng định mức bổ sung này gồm 121 mức chia làm VI phần:

- I. Lắp ráp cấu kiện bê-tông đúc sẵn bằng cần trục bánh lốp dùng cho các công trình công nghiệp
- II. Lắp ráp cấu kiện bê-tông đúc sẵn bằng cần trục bánh xích dùng cho các công trình công nghiệp.
- III. Lắp ráp cấu kiện kiến trúc kim loại bằng cần trục bánh xích dùng cho các công trình công nghiệp.
- IV. Lắp ráp các loại cấu kiện bằng phương pháp thủ công, dùng cho các công trình công nghiệp.
- V. Lắp ráp các công trình dân dụng có thiết kế định hình.
- VI. Công tác hàn phục vụ cho lắp ráp.

A. Những quy định và hướng dẫn các áp dụng định mức.

1. Định mức lắp ráp các công trình công nghiệp quy định trong tập này, áp dụng cho

lắp ráp ở độ cao 10 m trở xuống. Nếu lắp ở độ cao 10 m trở lên thì vận dụng định mức điều chỉnh số 14.897 (trừ phần lắp ráp thủ công và lắp ráp các công trình dân dụng).

2. Định mức năng suất tính cho một tổ lắp ráp có dùng cần trục để cầu lắp cùng là năng suất một kíp máy cần trục làm một ca. So với định mức máy thi công cùng loại thì năng suất cần trục dùng cho lắp ráp thấp hơn nhiều vì điều kiện làm việc khác nhau; nhưng khi dùng máy, đơn vị thi công vẫn phải thanh toán giá thuê máy và các phí tổn dùng máy theo đúng định mức 290-UB-ĐM ban hành theo thông tư số 307-UB-ĐM ngày 26 tháng 11 năm 1962 của Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước.

3. Đề tận dụng công suất máy trong khi dùng cần trục để cầu lắp, đơn vị thi công cần tổ chức sự phối hợp thật chặt chẽ, ăn khớp giữa lái máy với lắp ráp và hàn, mỗi bộ phận phải đề cao tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, cộng đồng trách nhiệm, cùng nhau phấn đấu không ngừng nâng cao năng suất lắp ráp.

4. Công tác hàn phục vụ cho lắp ráp trong những định mức này tính theo ba cách sau đây:

a) Lắp ráp các công trình dân dụng không tính định mức hàn riêng mà tổ chức một thợ hàn nằm trong tổ lắp ráp.

b) Lắp ráp công trình công nghiệp, với những cấu kiện hàn ít, mối hàn nhỏ, thì mỗi định mức lắp ráp có kèm thêm định mức hàn.

c) Lắp cấu kiện phải hàn nhiều, có định mức hàn riêng, tính theo thước dài, tùy tình hình thực tế của mỗi công trường mà vận dụng.

d) Công hàn đính đã tính luôn vào lắp ráp.

Tuy cách tính định mức có khác nhau nhưng trong từng định mức đều đã có tính đến điều kiện phải phối hợp giữa hàn với lắp ráp, như lắp phải đợi hàn, hoặc không phải đợi hàn để tăng hoặc giảm định mức năng suất rồi.

5. Nhân lực bố trí cho các tổ lắp ráp, trong định mức này được nghiên cứu xây dựng trong điều kiện tổ chức như sau:

a) Với cần trục tháp: Một máy cần trục và người phụ trách lái máy như quy định trong thông tư định mức 307-UB-ĐM.

— Một tổ trưởng lắp ráp bậc 3,

— Một lắp ráp bậc 2 và 1 hàn bậc 2,

— Một lái động bậc 1.

b) Cần trục bánh xích hoặc bánh lốp: Xe cần trục và người phụ trách lái máy như quy định trong thông tư định mức 307-UB-ĐM.

- Một tờ trường lắp ráp bậc 3.
- Hai lắp ráp bậc 2.
- Hai lắp ráp bậc 1.

6. Các loại công sau đây không tính vào định mức:

- Công điều khiển máy cần trục.
- Công điều khiển máy trục đặc.
- Công vận chuyển cầu kiện từ xưởng gia công đến vị trí lắp ráp đặt trong tầm hoạt động của từng loại cần trục.
- Công dọn dẹp mặt bằng, sửa chữa đường sá, chống lún, cho cần trục di chuyển đi lại trong khi cầu lắp.
- Công cắt sắt bằng hơi hàn (cắt các miếng đệm, lỗ bu lông), công tán đinh ri-vê, công tẩy ba vụn, đục mạch hàn ở những vị trí cần thiết.

Điều cần chú ý: Cán bộ phụ trách nghiệm thu bàn giao tim, cốt mặt bằng, cầu kiện, giữa xây với lắp, giữa sản xuất cầu kiện với lắp phải lập biên bản cụ thể theo đúng thủ tục quy định của Nhà nước, xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên về những sai phạm, thiếu sót còn tồn tại, để bảo đảm chất lượng và tiến độ thi công của công trình.

B. Nội dung công tác và diễn kiện kỹ thuật.

1. Điều kiện làm việc:

a) Cầu kiện đã được vận chuyển đến mặt bằng, đặt trong tầm hoạt động của từng loại cần trục, có hướng dẫn sắp xếp theo thứ tự và ghi rõ ký hiệu để khỏi nhầm lẫn và gây trở ngại cho lắp ráp.

b) Cần trục hoạt động bình thường liên tục, không bị gián đoạn. Trường hợp máy hỏng phải ngừng việc, thời gian ngừng việc được tính theo chế độ hiện hành.

c) Cầu kiện không đúng quy cách phải sửa chữa, công sửa chữa được xác nhận rõ ràng, tính riêng theo lượng thời gian và do đơn vị gây ra khuyết điểm chịu trách nhiệm.

d) Mặt bằng bảo đảm đường kính hoạt động của cần trục không bị ảnh hưởng khi di chuyển đi lại để cầu lắp.

e) Dây cáp phải chuẩn bị đầy đủ, đúng cỡ của từng loại cầu kiện và có dự trữ.

g) Trước khi lắp phải kiểm tra lại việc chuẩn bị phương tiện, dụng cụ, phụ tùng... thật đầy đủ để khỏi trở ngại trong khi làm việc.

h) Triệt để chấp hành nội quy an toàn lao động.

2. Các bước công tác:

a) **Bước chuẩn bị:** Chuyển dịch cầu kiện trong tầm hoạt động của từng loại cần trục, kê chống, làm sạch cầu kiện, đo tim, vạch dấu cầu kiện và vị trí lắp ráp, gá lắp hàn các miếng đệm đầu tiếp diêm, kê đệm, ốp, buộc các vật bảo vệ giữ cho cầu kiện khỏi bị sứt mẻ trong khi cầu lắp.

b) **Cầu lắp:** Móc cáp, buộc dây thừng bằng, cầu lên chuyển dịch đặt vào vị trí, điều chỉnh sơ bộ, đóng cọc, néo tăng đơ, đóng chêm, buộc giằng chống đỡ cho cầu kiện được vững vàng.

c) **Hoàn thành:** Điều chỉnh chính xác, vận bu-lông, hàn đính, kiểm tra và hàn hoàn thành.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

a) Trước khi lắp phải kiểm nghiệm lại cầu kiện và vị trí lắp ráp chu đáo, bảo đảm cho cầu kiện đúng quy cách phẩm chất, đúng độ dung sai cho phép, kịp thời phát hiện những sai phạm hư hỏng kém phẩm chất để sửa chữa hoặc loại bỏ.

b) Trong khi lắp, những trở ngại do công tác kiểm nghiệm không chu đáo thì đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm.

c) Vận chuyển cầu kiện, cầu lắp, phải cẩn thận, không đê va chạm, lay động mạnh, ảnh hưởng đến kết cấu của cầu kiện.

d) Buộc giằng chống đỡ cầu kiện phải thật vững chắc.

e) Lắp ráp xong từng cầu kiện, từng bộ phận công trình, đều phải kiểm tra lại từng bước bằng các phương tiện cần thiết, bảo đảm đúng yêu cầu thiết kế và tiêu chuẩn kỹ thuật.

Chú thích:

a) Cầu kiện bê-tông trọng lượng từ năm tạ trở xuống, phải tìm mọi cách để lắp ráp bằng phương pháp thủ công, nếu không có cần cầu thiếu thì.

b) Cầu kiện bằng thép trên năm tạ nhưng gồm nhiều bộ phận dưới năm tạ cũng phải khắc phục để lắp ráp thủ công.

c) Trong hai trường hợp trên, chỉ khi nào không thể khắc phục để lắp ráp thủ công được mới được dùng cần trục nhưng phải hết sức hạn chế.

CẤU LẮP CẤU KIỆN BÊ-TÔNG BẰNG CẦN TRỤC LỚP

Mọi điều kiện như đã nói ở nội dung B

Số thứ tự định mức	LOẠI CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Năng suất một ngày công của tô	QUY RA CÔNG ĐỀ HOÀN THÀNH LẮP RÁP 1 ĐƠN VỊ						Công hạn	
				Số công	Bậc công việc	Số công	Bậc công việc	Số công	Bậc công việc	Số công	Bậc công việc
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
14.830	Dựng cột 5T trở xuống cao trên 4m cầu dựng xong điều chỉnh sơ bộ đúng tim cột.	Cột	18	0,0555	3	0,1111	2	0,1111	1		
14.831	Điều chỉnh cột 5T trở xuống theo máy trắc đạc.	—	8	0,125	3	0,25	2	0,25	1		
832	Dựng cột trên 5T đến 7T.	—	14	0,0714	3	0,1428	2	0,1428	1		
833	Điều chỉnh cột trên 5T đến 7T	—	6	0,1667	3	0,3333	2	0,3333	1		
834	Đặt giằng móng 3T trở xuống	Giằng	48	0,0208	3	0,0416	2	0,0208	1		
835	Lắp giằng tường 3T trở xuống, cầu lắp, điều chỉnh, bắt bu lông xuyên qua cột và giằng.	—	16	0,0625	3	0,125	2	0,125	1		
836	Lắp giằng tường 3T trở xuống, cắt bu lông xuyên qua cột và xen giữa mỗi tiếp giáp của hai đầu giằng.	Giằng	20	0,05	3	0,10	2	0,10	1		
837	Lắp dầm cầu trục 3T trở xuống, cầu lắp, kê đệm, điều chỉnh sơ bộ, và vận chạt bu lông.	Dầm	20	0,05	3	0,10	2	0,10	1		
838	Điều chỉnh dầm cầu trục 3T trở xuống, hoàn thành chính xác... đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu thiết kế.	Dầm	7	0,1428	3	0,2856	2	0,2856	1		

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
839	Lắp dầm cần trục trên 3 tấn.	Dầm	16	0,0625	3	0,125	2	0,125	1		
840	Điều chỉnh dầm cần trục trên 3T.	Dầm	6	0,1667	3	0,3333	2	0,3333	1		
841	Lặt và di chuyển xà mái trong phạm vi 30m, kê chống, làm sạch cầu kiện, các vật chôn ngầm, dề chuẩn bị lắp ráp.	Xà	20	0,05	3	0,10	2				
842	Lắp xà mái 5T trở xuống khâu độ 7 đến 12m hoàn thành đúng tiêu chuẩn kỹ thuật (công hàn hoàn thành tính theo định mức hàn riêng).	Xà	9	0,1111	3	0,2222	2	0,2222	1		
14.843	Lắp xà mái trên 5T trở lên. Khâu độ 10 đến 18m.	"	8	0,125	3	0,25	2	0,25	1		
844	Lắp xà gỗ trên dưới 1 T cầu lên vị trí bắt 2 thanh sắt tròn ở xà mái ốp chặt hai đầu xà gỗ, hàn hoàn thành hai mối ở 2 đầu xà gỗ.		48	0,0208	3	0,0416	2	0,0416	1	0,03333	2
845	Lắp xà gỗ như trên, trường hợp 2 đầu xà phải luồn vào 2 lỗ ở chân cột vì hộp diêm (cửa sổ trời).		36	0,0277	3	0,0554	2	0,0554	1		
846	Lắp máng nước nặng 1T rưỡi trở xuống, cầu lên vị trí, bắt hai thanh sắt tròn ở xà mái hoặc tấm mái ốp chặt 2 đầu máng nước		36	0,0277	3	0,0554	2	0,0554	1	0,03333	2
847	Lắp máng nước như trên, trường hợp phải đợi hàn xong 2 mối ở 2 đầu máng nước vào xà mái mới cầu lắp cầu kiện khác được		25	0,04	3	0,08	2	0,08	1	0,03333	2

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
848	Lắp tấm mái hắt nặng 1 đến 3 tấn cầu lên vị trí, bắt bu lông xuyên qua cột hoặc tường và xen giữa hai đầu tấm mái hắt		20	0,05	3	0,10	2	0,10	1		
849	Lắp mái hắt như trên, trường hợp không bắt bu lông mà phải hàn 2 mối ở hai đầu tấm mái hắt xong mới lắp được tấm khác		18	0,5555	3	0,1111	2	0,1111	1		
850	Lắp tấm cửa sò 6m × 3 - 4m nặng 2T trở xuống; cầu lên vị trí, buộc giằng kê đệm điều chỉnh, đóng nêm xong cầu lắp tấm khác.		16	0,0625	3	0,125	2	0,125	1		
851	Lắp khung cửa ánh sáng 6m × 3m nặng dưới 1T, cầu lắp kê đệm, điều chỉnh, buộc giằng, đóng nêm xong cầu lắp tấm khác		25	0,04	3	0,08	2	0,08	1		
852	Lắp panen tường 6m × 12m đặt trên mái hắt, dưới máng nước, cầu lên vị trí hàn xong 2 mối ở 2 đầu mối cầu lắp được cấu kiện khác.	Tấm	20	0,05	3	0,10	2	0,10	1		
853	Lắp panen sàn hay hục đi lại ven tường bên cạnh dầm cầu trục, nặng trên dưới 1 tấn.	"	40	0,025	3	0,050	2	0,050	1		
854	Lắp tấm mái 6m × 1m ₅ - 3m nặng 2T trở xuống loại tấm mái không phải hàn hoặc lắp trước hàn sau.	"	55	0,01818	3	0,03636	2	0,03636	1		

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
14.855	Lắp tấm mái như trên, trường hợp, lắp và hàn xen kẽ các góc tấm mái vào xà mái.	»	42	0,0238	3	0,0476	2	0,0476	1	0,050	2
856	Lắp tấm mái cỡ nhỏ nặng trên dưới 1 tạ, cầu lắp từng mã 10 tấm một, kê cả công xếp tấm mái thành từng mã ở mặt bằng.	»	300	0,00333	3	0,00333	2	9,0100	1		
857	Lắp con sơn bê tông vào vì kèo hoặc xà mái, trường hợp không thể khác phục để lắp thủ công được (chỉ được áp dụng trong trường hợp không thể lắp thủ công được)	Con	12	0,0833	3	0,1667	2	0,1667	1		

PHẦN THỨ HAI

CẤU LẮP CẤU KIỆN BÊ TÔNG BẰNG CẦN TRỤC XÍCH

Mọi điều kiện như đã nói ở nội dung B.

14.858	Dựng cột 5T trở xuống cao 4m trở lên dựng xong điều chỉnh sơ bộ đúng tim cốt buộc giằng kê đệm, chống đỡ, đóng con chêm cho cột đứng vững chắc	Cột	16	0,0625	3	0,125	2	0,125	1		
859	Dựng cột trên 5 đến 7 tấn cao 6m trở lên	»	12	0,0833	3	0,1667	2	0,1667	1		
860	Dựng cột trên 7 đến 10 tấn cao 6m trở lên	»	10	0,10	3	0,20	2	0,20	1		
861	Dựng cột trên 10 đến 15T cao 7m trở lên	Cột	8	0,10	3	0,20	2	0,40	1		

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
874	Lắp vi kèo bê tông trên 5 đến 7T khâu độ trên 20m, mọi điều khác như trên	Vi	5	0,20	3	0,40	2	0,40	1		
875	Lắp tấm bít đầu hồi mái chông diêm (cửa sổ trời) nặng 3T trở xuống	Đầu	5	0,20	3	0,40	2	0,40	1		
876	Lắp giá mái chông diêm kê cá công giá lắp 2 nửa thành một ở mặt bằng	Giá	4	0,25	3	0,50	2	0,50	1		
877	Lắp xà gỗ, xà ngang dài nhất đến 6m nặng trên dưới 1T mọi điều kiện như đã nói ở định mức 14.844	Xà	40	0,025	3	0,050	2	0,050	1		
14.878	Lắp xà gỗ, xà ngang như trên, trường hợp phải luồn 2 đầu xà vào 2 lỗ ở cột mái chông diêm	Xà	30	0,0333	3	0,0667	2	0,0667	1		
879	Lắp máng nước nặng 2T trở xuống cầu lắp xong bắt hai thanh sắt tròn ở xà mái hoặc tấm mái ốp chặt hai đầu máng nước	Máng	30	0,0333	3	0,0667	2	0,0667	1	0,0333	2
880	Lắp máng nước như trên trường hợp phải hàn xong 2 mối ở hai đầu tấm máng nước mới cầu lắp cầu kiện khác được	—	22	0,04545	3	0,09091	2	0,09091	1	0,03333	2
881	Lắp mái hắt 3 tấn trở xuống, bắt bu lông xuyên qua cột hoặc tường và xen giữa 2 đầu tấm mái hắt	Tấm	16	0,0625	3	0,125	2	0,125	1		
882	Lắp mái hắt như trên, trường hợp không bắt bu lông xuyên thẳng qua cột và mái hắt mà phải dọi hàn dính xong hai đầu mái hắt mới lắp tấm khác	Tấm	14	0,0714	3	0,1428	2	0,1428	1		

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
862	Điều chỉnh cột trên 7 – 10T	cột	6	0,1667	3	0,3333	2	0,3333	1		
863	Điều chỉnh cột trên 10 – 15T	—	5	0,10	3	0,20	2	0,30	1		
864	Lật và di chuyển cột trên 7T trở lên, phạm vi 30m kể cả công tháo ván khuôn đáy, dề chuẩn bị dựng	—	15	0,0667	3	0,1333	2				
14.865	Đặt giằng móng 3T trở xuống	Giằng	40	0,025	3	0,050	2	0,025			
866	Lắp giằng tường 3T trở xuống bắt bu lông xuyên qua cột và giằng	—	14	0,0714	3	0,1428	2	0,1428	1		
867	Lắp giằng tường như trên trường hợp bu lông chỉ xuyên qua cột và xen giữa mỗi tiếp giáp của hai đầu giằng	—	18	0,0555	3	0,1111	2	0,1111	1		
868	Lắp dầm cầu trục 3T trở xuống	Dầm	17	0,0588	3	0,1176	2	0,1176	1		
869	Lắp dầm cầu trục trên 3T trở lên	—	14	0,0714	3	0,1428	2	0,125	1		
870	Lật và di chuyển các loại xà mái xà dọc trong phạm vi 30m, kê chống làm sạch xà và các vật chôn ngầm, dựng xà ở mặt bằng dề chuẩn bị lắp ráp lên vị trí	xà	18	0,0555	3	0,1111	2				
871	Lắp xà mái xà dọc 5T trở xuống	Xà	8	0,125	3	0,25	2	0,25	1		
871 a)	Lắp xà mái xà dọc 5T trở lên	—	7	0,1428	3	0,2856	2	0,2856	1		
872	Lật vi kéo bêton, kê chống làm sạch vi và các vật chôn ngầm, di chuyển vi trong phạm vi 30m, chuẩn bị lắp ráp	Vi	12	0,0833	3	0,1667	2	0,0833	1		
873	Lắp vi kéo bêton 5T trở xuống, khâu độ 12m trở lên, kê cả công lắp thêm ba thanh giằng cho mỗi vi dề bảo đảm cho vi lắp lên được vững vàng.	Vi	6	0,1667	3	0,3333	2	0,3333	1		

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
883	Lắp tấm cửa sổ 6m x 3m - 4m nặng 2T trở xuống, cầu lắp đóng chêm buộc giằng xong cầu lắp cầu kiện khác	Tấm	14	0,0714	3	0,1428	2	0,1428	1		
884	Lắp khung cửa ánh sáng 6m x 2 - 3m nặng 1T trở xuống, cầu lắp đóng chêm, buộc giằng xong lắp cầu kiện khác	Khung	22	0,04545	3	0,09091	2	0,09091	1		
885	Lắp tấm tường 2T trở xuống (đặt trên mái lạt dưới máng nước) cầu lắp, hàn đính xong mới lắp tấm khác	Tấm	16	0,0625	3	0,125	2	0,125	1		
886	Lắp panen sàn hay bục di lại ven tường cạnh dầm cầu trục (nặng 2T trở xuống)	Tấm	32	0,0312	3	0,0625	2	0,0625	1		
887	Lắp tấm mái 6m x 4,5 - 3m nặng 2T trở xuống, lắp không phải đội hàn	Tấm	48	0,0208	3	0,0416	2	0,0416	1		
888	Lắp tấm mái như trên, trường hợp phải hàn xen kẽ với lắp	Tấm	35	0,02857	3	0,05714	2	0,05714	1	0,050	2
889	Lắp tấm mái cỡ nhỏ nặng trên dưới 1 tạ, cầu lắp từng mã 10 tấm 1 kê cả công xếp tấm mái thành mã ở mặt bằng	Tấm	250	0,004	3	0,008	2	0,012	3		
14.890	Lắp con sơn bê tông vào vì kèo hoặc xà mái (chỉ được áp dụng trong điều kiện không thể khác phục dè lắp thủ công và không có cần cầu thiếu nhi)	Con	10	0,10	3	0,20	2	0,20	1		
14.891	Lắp giằng kép bằng bê tông vào vì kèo bê tông nặng trên 5 tạ (chỉ được áp dụng trong trường hợp không thể lắp thủ công được)	Giằng	14	0,0714	3	0,1428	2	0,1428	1		

LẮP RÁP KẾT CẤU KIẾN TRÚC KIM LOẠI DÙNG CẦN TRỤC XÍCH

Mọi điều kiện như đã nói ở nội dung B.

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
14.892	Lắp ráp vì kèo thép gá lắp, hàn dính 2 nửa vì, thành 1 vì ở mặt bằng, kê cả công di chuyển cấu kiện trong phạm vi 30m. kê chống kiểm tra, chuẩn bị lắp lên vị trí hoặc gá lắp thêm vì chông diêm	Vì	8	0,125	3	0,2500	2	0,500	1		
893	Gá lắp chông diêm vào vì kèo thép	—	14	0,0714	3	0,1428	2				
894	Cầu lắp vì kèo thép 3 tấn trở xuống khâu độ trên 15m kê cả công lắp thêm mỗi gian 3 thanh giăng để bảo đảm vì kèo lắp lên được vững vàng	—	5	0,20	3	0,40	2	0,40	1		
14.894	Lắp giăng kép vào vì kèo kê cả công hàn hoàn thành 4 mối tiếp giáp vào vì kèo	Giăng	14	0,0714	3	0,1428	2	0,1428	1	0,100	2+3
895	Lắp vì kèo trên 3 tấn trở lên khâu độ trên 18m điều kiện như trên	Vì	4	0,25	3	0,50	2	0,50	1		
896	Lắp dầm cầu trục thép 8 tạ đến 1 tấn cầu lắp kê đệm, điều chỉnh sơ bộ, bắt bulông xong	Dầm	20	0,05	3	0,10	2	0,10	1		

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
14.897	Tất cả các định mức trên đây (từ định mức số 14.830 đến 14.896) quy định cho lắp ráp ở độ cao 10 m trở xuống. Trường hợp lắp ở độ cao trên 10m trở lên thì được giảm 12% năng suất nhưng phải làm tròn số theo đơn vị: Nếu phần lẻ từ 0,5 đơn vị trở xuống thì bỏ, trên 0,5 đơn vị thì lấy thêm 1 đơn vị:										

Ví dụ: Lắp mái hắt ở độ cao 15m (định mức 14.848) là $20 \text{ tấm} \times 88\% = 18,48$ lấy tròn 18 tấm)
 Lắp mái hắt ở độ cao 15m (định mức 14.849) là $18 \text{ tấm} \times 88\% = 15,84$ lấy tròn 16 tấm)

PHẦN THỬ TU

LẮP RÁP CẤU KIỆN KIẾN TRÚC BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỦ CÔNG DÙNG TỜI, BA LĂNG, RÒNG RỌC ĐƯA, CẦU KIẾN LÊN VỊ TRÍ LẮP RÁP

(Mọi điều kiện như đã nói ở nội dung B)

14.898	Đo tìm vạch dấu cấu kiện và vị trí lắp ráp, tính chung cho tất cả mọi cấu kiện theo từng gian nhà	Gian	1 gian			1	2				
899	Đựng cột 1,5 tấn trở xuống bằng phương pháp thủ công	Cột	8	0,125	3	0,25	2	0,375	1		
14.900	Điều chỉnh cột 1,5 Tấn	Cột	10	0,10	3	0,20	2	0,10	1		
14.901	Lắp con sơn bê tông nặng trên dưới 2 tạ vào cột (loại này còn gọi là giá đỡ giàn mái phụ, mái hắt ở độ cao 8m trở xuống.	Con	8	0,125	3	0,25	2	0,25	1		

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
14.902	Lắp con sơn như trên ở độ cao trên 8m đến 15m	Con	6	0,1667	3	0,3333	2	0,3333	1		
903	Lắp xà gỗ bêton 5 tạ trở xuống vào giá đỡ giàn, mái phụ ở độ cao 8m trở xuống	Xà	10	0,10	3	0,20	2	0,20	1		
904	Lắp xà gỗ như trên ở độ cao trên 8 đến 15m	Xà	8	0,125	3	0,25	2	0,25	1		
14.905	Lắp các loại giàn đơn vào vị kèo nặng 3 tạ trở xuống, kéo lắp, điều chỉnh, bắt bu-lông xong. Lắp ở độ cao 8m trở xuống	Giàn	20	0,05	3	0,10	2	0,10	1		
906	Lắp giàn đơn như trên ở độ cao trên 8 đến 15m	Giàn	15	0,0667	3	0,1333	2	0,1333	1		
907	Lắp giàn chéo vào vị kèo ở độ cao 8m trở xuống nặng 3 tạ trở xuống	Giàn	7	0,1428	3	0,2856	2	0,4285	1		
908	Lắp giàn chéo như trên, ở độ cao trên 8 đến 15m	Giàn	6	0,1667	3	0,3333	2	0,50	1		
909	Lắp thang giàn chéo cột, nặng 0,75 đến 1 tấn giàn đã được chế tạo sẵn gồm một chéo nguyên và hai chéo nữa, kéo lắp, điều chỉnh, bắt bulông xong.	Bộ giàn	2	0,50	3	0,10	2	0,15	1		
910	Lắp giàn chéo cột đơn (loại chéo một thanh không có thang) nặng 5 tạ trở xuống	—	5	0,20	3	0,40	2	0,40	1		

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
911	Lắp bực đứng (bực công tác, lắp vào cột để đứng lắp các cấu kiện khác) gồm công kéo lắp 2 thanh sắt cốt nhẹ ốp vào cột, vận bulông kéo lắp ván sàn, đóng đinh hay bắt vít, bảo đảm thật chắc chắn. Vật liệu được cấp đủ kể cả công vận chuyển trong phạm vi 100m. Lắp ở độ cao 8m trở xuống.	Bực	12	0,0833	3	0,1667	2	0,1667	1		
912	Lắp bực đứng như trên ở độ cao trên 8 đến 15m		10	0,10	3	0,20	2	0,20	1		
913	Tháo bực và vận chuyển đi trong phạm vi 100m xếp đống gọn gàng tháo dỡ phải cẩn thận để dùng lại nhiều lần.		8			0,125	2	0,125	1		
914	Lắp thang cứu hỏa dài 12-15m loại thang sắt tròn, 10-16, không có tay vịn, thang đã được chế tạo sẵn, gồm công gá lắp các giá đỡ, kéo lắp thang vào giá đỡ bắt bulông, hàn hoàn thành xong.	Bộ thang	2	0,50	3	1,00	2	1,00	1	0,50	2
14.915	Lắp thang sửa chữa, loại thang sắt tròn 14-16 ly không có lan can tay vịn, thang đã được chế tạo sẵn, dài 7m trở xuống mọi điều kiện lắp ráp như thang cứu hỏa	-	3	0,333	3	0,6667	2	0,6667	1	0,333	2
14.916	Gá lắp hàn dính các miếng đệm đầu vì kèo, xà mái, dầm cầu trục v.v...	Miếng	40			0,025	2			0,025	2

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
917	Gá lắp hàn đính các giá đỡ (giá đỡ tấm sàn đi lại, giá đỡ thang giằng cột, chân con sơn (giá đỡ giằng mái phụ)	Giá	12	0,0833	3					0,0833	2

PHẦN THỨ NĂM

LẮP RÁP CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG CÓ THIẾT KẾ ĐỊNH HÌNH BẰNG CẦN TRỤC THÁP

(tính chung cho tất cả các tầng)

Mọi điều kiện như đã nói ở nội dung B, còn thêm các công việc sau đây:

Uốn buộc, hàn hoàn thành các mối sắt, chèn beton xi, vữa, vào các mối tiếp giáp.

Nhân lực bố trí cho một lô lắp ráp

14.918	Lắp tấm tường bê tông than xi	Tấm	65	1	3	2	2	1	1		
919	Lắp tấm tường ở hai đầu hồi	—	65	1	3	2	2	2	1		
920	Lắp giằng tường	Giằng	80	1	3	1	2	1	1	1	2 + 3
921	Lắp dầm	Dầm	35	1	3	1	2	1	1	1	2 + 3
922	Lắp tấm sàn và trần	—	85	1	3	1	2	1	1	1	2 + 3
923	Lắp mái bất	—	48	1	3	1	2	1	1	1	2 + 3
924	Lắp ban công	—	20	1	3	1	2	1	1	1	2 + 3
14.925	Lắp cột	Cột	20	1	3	1	2	1	1	1	2 + 3
926	Lắp cầu thang	Tấm	22	1	3	1	2	1	1	1	2 + 3
927	Lắp tường hoa lan can	Tấm	52	1	3	1	2	1	1	1	2 + 3
928	Lắp máng nước	Máng	38	1	3	1	2	1	1	1	2 + 3
929	Lắp con sơn	Con	25	1	3	1	2	1	1	1	2 + 3
930	Lắp tấm mái	Tấm	100	1	3	1	2	1	1	1	2 + 3

PHẦN THỨ SÁU
CÔNG TÁC HÀN

Nội dung công tác và điều kiện kỹ thuật: Trước khi hàn phải chải sạch ri, làm sạch các chất bẩn khác ở mạch hàn, điều khiển và di chuyển máy, kéo dây, gỡ sạch ri.

Mạch hàn không được rạn nứt, mặt mối hàn không được lẫn xỉ, rỉ, nứt. Mối tiếp giáp của kim loại phải được tẩy mép, ráp đúng độ dung sai cho phép. Hàn phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của vị trí từng mối hàn.

Số định mức	LOẠI CÔNG VIỆC	Số công	Bậc công việc	QUY CÁCH MỐI HÀN			Đơn vị tính	Năng suất một ngày công hàn các đường hàn dài		Năng suất một ngày công hàn các đường hàn ngắn : đầu xà, đầu cột v.v...	
				Chiều dày	Số đường	Số lớp		Tư thế bình thường	Tư thế cho leo phải đeo dây an toàn	Tư thế bình thường	Tư thế cho leo phải đeo dây an toàn
14.931	Hàn các đường hàn nằm	1	2+3	4-6 ly	1	1	m dài	36m	29	25	20
14.932					2	1	m	19	15	13	11
14.933					3	2	m	12,5	10	8,5	7
14.934				8-10	4	2	m	9,5	7,5	6,5	5,2
14.935					5	3	m	7,2	6	5	4,2
14.936					12 ly trở lên	6	3	m	6	5	4,2
14.937	Hàn các đường hàn đứng	1	3	4-6	1	1	m	32	26	22	18
14.938					2	1	m	16,5	13,5	11,5	9,5
14.939					3	2	m	11	9	7,5	6,2
14.940				8-10	4	2	m	8,2	6,5	5,5	4,5
14.941					5	3	m	6,5	5,4	4,5	4
14.942					12 ly	6	3	m	5,5	4,5	4
14.943	Hàn các đường hàn ngửa	1	3	4-6	2	1	m	10	8	7,5	6,5
14.944					3	2	m	7	5,5	5	4,5
14.945					10-8	4	2	m	5	4,2	4
14.946				12 ly trở lên	5	3	m	4	3,5	3,2	2,8
14.947					6	3	m	3,5	3	2,5	2,5
14.948					Hàn các mối hàn nhỏ chiều dài mỗi hàn dưới 20 cm.	1	2+3	4-6			
14.949	8-10									45	36
14.950	12 ly trở lên										35